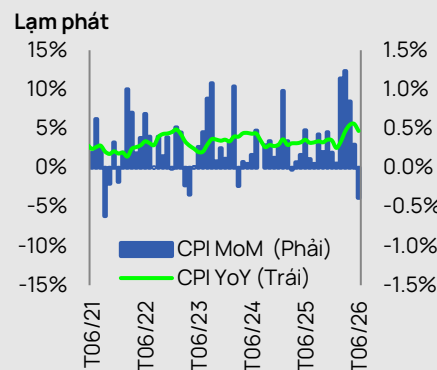
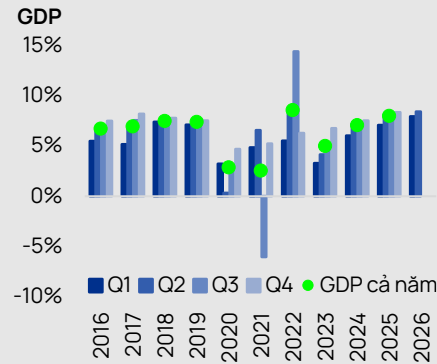


Số liệu trong tháng

	T5	T6
CPI (% YoY)	5,6	4,7
Doanh thu bán lẻ (% YoY)	13,8	14,8
Chỉ số SXCN (% YoY)	10,1	12,7
KN xuất khẩu (tỷ USD)	46,9	50,8
KN nhập khẩu (tỷ USD)	52,1	53,4
Giải ngân FDI (tỷ USD)	2,3	3,3
Lợi suất TPCP 5 năm (%)	4,1	4,2
DN đăng ký mới	17.029	16.847

Dự báo Cả năm

	2025	2026F
GDP danh nghĩa (tỷ USD)	514	572
GDP tăng trưởng thực (%)	8,0	8,5
CPI (%)	3,3	4,5
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	17,0	17,0
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	19,4	22,0
Cán cân thương mại (tỷ USD)	20,1	0,4
Tăng trưởng tín dụng (%)	19,0	15,3
Giải ngân FDI (tỷ USD)	27,6	30,1



Đào Minh Quang
Chuyên viên

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng Cao cấp

Tăng trưởng GDP quý 2/2026 đạt 8,4%

- Tăng trưởng GDP nửa đầu năm (6T) đạt mức cao nhất kể từ năm 2010:** So với cùng kỳ năm trước, GDP quý 2 đã tăng 8,39%, đưa mức tăng trưởng GDP nửa đầu năm 2026 lên 8,18%. Kết quả này nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 ở mức 8,5%, với đà tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm 2026 có thể sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi chính sách tài khóa mở rộng, đầu tư duy trì mạnh, dòng vốn FDI giải ngân ổn định và hoạt động sản xuất trong nước vững chắc.
- Hoạt động sản xuất tiếp tục duy trì tích cực, được hỗ trợ bởi đà tăng tốc trong tháng 6:** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành tăng 10,8% trong 6T 2026 (6T 2025: +8,7%), chủ yếu nhờ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng mạnh 11,4%. Khảo sát PMI mới nhất cho thấy tăng trưởng sản xuất ngày càng được thúc đẩy bởi sự cải thiện của nhu cầu thực, phản ánh sự phục hồi bền vững hơn. Trong khi đó, khảo sát xu hướng kinh doanh của Cục Thống kê cũng cho thấy niềm tin kinh doanh được cải thiện trong quý 3.
- Tổng doanh thu bán lẻ tiếp tục duy trì tích cực trong tháng 6 nhưng chủ yếu được hỗ trợ bởi yếu tố giá:** Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 12,9% trong 6T 2026 (6T 2025: +9,4%). Tuy nhiên, nếu loại trừ yếu tố giá, doanh thu bán lẻ chỉ tăng 7,3%, gần như không đổi so với mức 7,4% cùng kỳ năm trước. Giá xăng dầu giảm có thể làm giảm đóng góp của yếu tố giá vào tăng trưởng bán lẻ. Tuy nhiên, tiêu dùng dự kiến vẫn được hỗ trợ bởi lượng khách quốc tế tiếp tục tăng mạnh, nhu cầu trong hè, việc tăng lương khu vực công và điều chỉnh tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội.
- Giải ngân đầu tư công tăng tốc trong tháng 6:** Giá trị giải ngân trong tháng đạt 150,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 73% tổng mức giải ngân lũy kế trong 5T 2026. Tính chung 6T 2026, giải ngân đầu tư công đã đạt 357,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,9% và hoàn thành 31,9% kế hoạch cả năm (so với mức bình quân 30,1% của giai đoạn 6T 2018–2025). Chúng tôi kỳ vọng tốc độ giải ngân sẽ tiếp tục được đẩy nhanh trong nửa cuối năm nhờ các nỗ lực mạnh hơn của Chính phủ.
- Vốn FDI đăng ký trong tháng đạt mức cao nhất trong 8 năm:** Trong tháng 6, vốn FDI đăng ký tăng 3,1 lần lên 9,8 tỷ USD. Lũy kế 6T 2026, vốn FDI đăng ký đạt 34,7 tỷ USD, tăng 61,0%. Trong khi đó, vốn FDI giải ngân tăng 16,3% lên 3,3 tỷ USD trong tháng 6, đưa tổng vốn giải ngân 6T 2026 lên 13,0 tỷ USD (+11,2%). Chúng tôi kỳ vọng vốn FDI giải ngân sẽ tiếp tục duy trì ở mức tích cực và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.
- Thâm hụt thương mại tăng lên 16,7 tỷ USD:** Trong 6T 2026, xuất khẩu (266,5 tỷ USD; +21,0%) và nhập khẩu (283,2 tỷ USD; +33,4%) đều duy trì tăng trưởng mạnh, khiến thâm hụt thương mại lũy kế đạt 16,7 tỷ USD. Mức thâm hụt gia tăng chủ yếu do nhập khẩu máy tính, linh kiện điện tử và xăng dầu tăng mạnh. Mặc dù chúng tôi kỳ vọng cán cân thương mại sẽ cải thiện về cuối năm, giá chip và bộ nhớ được dự báo tiếp tục tăng trong nửa cuối năm 2026, có thể khiến nhập khẩu điện tử duy trì ở mức cao và làm chậm quá trình quay trở lại trạng thái thặng dư thương mại.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 hạ nhiệt nhờ giá xăng trong nước giảm:** So với cùng kỳ năm trước, CPI tăng 4,69% trong tháng 6 (-0,39% so với tháng trước), và 4,38% trong 6T 2026, chủ yếu nhờ mức giảm 10% của giá xăng trong nước. Mặc dù nhu cầu trong hè, việc tăng lương khu vực công và nhu cầu sử dụng điện tăng do thời tiết nắng nóng có thể tạo áp lực lên lạm phát, trong khi giá xăng dầu thấp hơn sẽ góp phần bù đắp một phần áp lực này.
- Tỷ giá gần như đi ngang trong tháng thứ hai liên tiếp:** Tỷ giá USD/VND đã đóng cửa ở mức 26.310 trong tháng 6 (gần như không đổi so với tháng 5). Mặc dù tỷ giá duy trì ổn định trong tháng 6, lập trường chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt hơn của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cùng với tình trạng thâm hụt thương mại kéo dài có thể gây áp lực lên đồng VND trong nửa cuối năm 2026. Tuy nhiên, dòng vốn FDI giải ngân mạnh được kỳ vọng sẽ giúp giảm bớt áp lực lên tỷ giá.

GDP

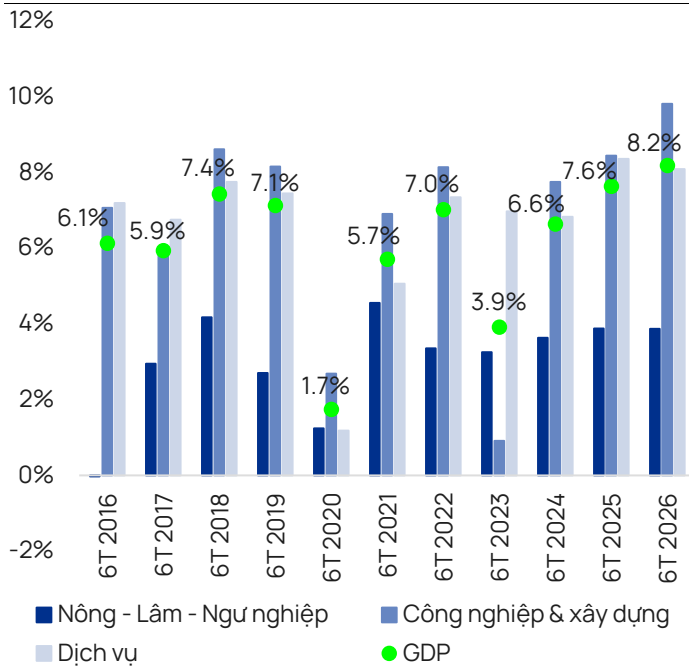
Tăng trưởng GDP nửa đầu năm đạt mức cao nhất kể từ năm 2010

Theo Cục Thống kê, GDP của Việt Nam tăng 8,39% YoY trong quý 2/2026 (quý 2/2025: +8,14% YoY) – mức tăng trưởng quý 2 cao thứ hai kể từ năm 2010. Kết quả này đưa tăng trưởng GDP 6T 2026 lên 8,18% YoY (6T 2025: +7,63% YoY) – mức cao nhất trong nửa đầu năm kể từ năm 2010. Kết quả này thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi và thấp hơn đáng kể so với kịch bản của Chính phủ cho quý 2 (+10,2% YoY) và 6T 2026 (+9,7% YoY) theo Nghị quyết 01/NQ-CP. Tuy nhiên, nhìn chung kết quả này vẫn rất tích cực.

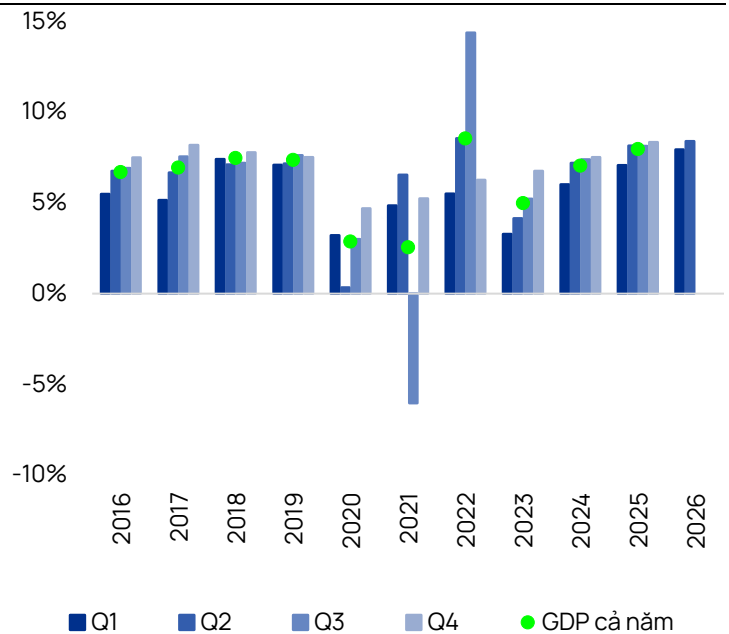
Kết quả của ba khu vực kinh tế chính trong quý 2 và nửa đầu năm 2026 như sau:

- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong ba khu vực với 10,5% YoY trong quý 2 (quý 2/2025: +9,0% YoY), đưa tăng trưởng 6T 2026 lên 9,8% YoY (6T 2025: +8,4%) – mức cao nhất kể từ năm 2010. Đây cũng là khu vực đóng góp lớn nhất trong 6T 2026, đóng góp 47,2% vào tăng trưởng GDP chung. Trong khu vực này, ngành sản xuất, chế biến & chế tạo dẫn đầu với mức tăng 10,6% YoY trong quý 2/2026 (quý 2/2025: +10,3% YoY) và 10,2% YoY trong 6T 2026 (6T 2025: +9,8% YoY).
- Trong khi đó, khu vực Dịch vụ xếp thứ hai, tăng 7,9% YoY trong quý 2 (quý 2/2025: +9,0% YoY) và 8,1% YoY trong nửa đầu năm 2026 (6T 2025: +8,4% YoY), đóng góp 47,1%. Trong khu vực Dịch vụ, các phân ngành ghi nhận mức tăng trưởng mạnh trong nửa đầu năm bao gồm vận tải kho bãi (+10,2% YoY), hoạt động văn hóa và thể thao (+10,1% YoY), bán buôn và bán lẻ (+9,7% YoY), và hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (+9,0% YoY).
- Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản duy trì ổn định, tăng 4,1% YoY trong quý 2/2026 (quý 2/2025: +4,0% YoY) và 3,9% YoY trong nửa đầu năm 2026 (6T 2025: +3,9% YoY).

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo khu vực



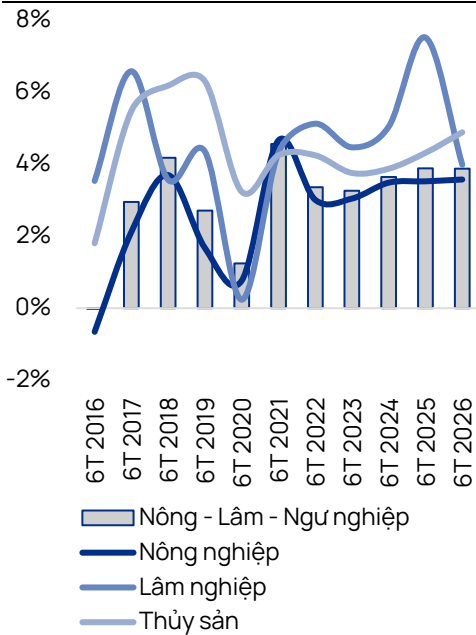
Hình 2: Tăng trưởng GDP theo quý



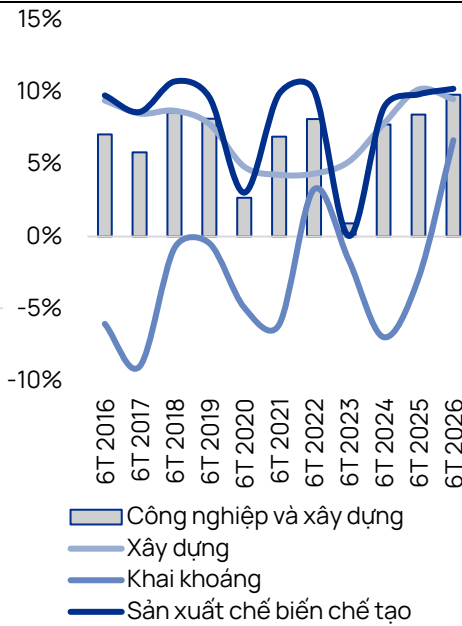
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

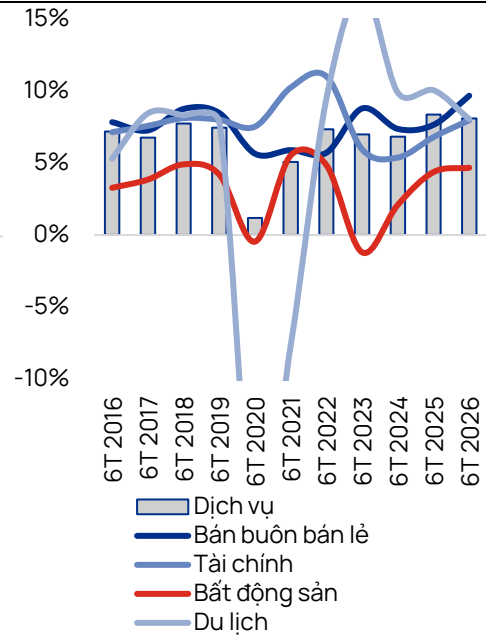
Hình 3: Tăng trưởng GDP khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản



Hình 4: Tăng trưởng GDP khu vực Công nghiệp và xây dựng



Hình 5: Tăng trưởng GDP khu vực Dịch vụ

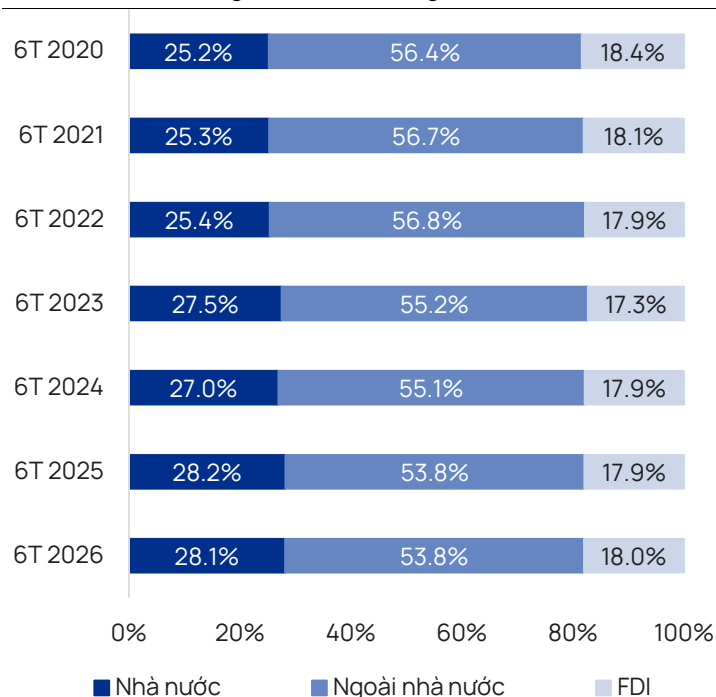


Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

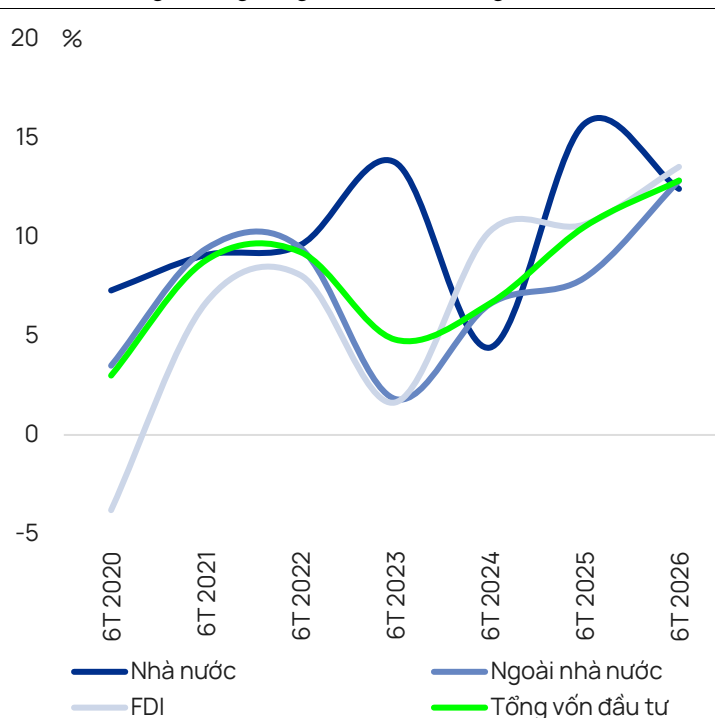
Triển vọng: Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng GDP ở mức 8,5% trong năm 2026

Kết quả kinh tế quý 2/6T 2026 cho thấy các động lực tăng trưởng trong nước của Việt Nam vẫn được duy trì trong bối cảnh vĩ mô quốc tế nhiều thách thức hơn. Nền kinh tế được hỗ trợ bởi tăng trưởng mạnh của khu vực Công nghiệp và Xây dựng (+9,81% YoY), dẫn dắt bởi ngành sản xuất, chế biến & chế tạo ổn định (+10,2% YoY). Đầu tư tiếp tục là trụ cột tăng trưởng chính, được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI vững chắc (đăng ký: +61,0% YoY; giải ngân: +11,2% YoY) và tăng tốc trong giải ngân đầu tư công (+13,9% YoY). Tuy nhiên, các áp lực từ bên ngoài vẫn hiện hữu. Thâm hụt thương mại đã tăng mạnh lên 16,7 tỷ USD trong 6T 2026, chủ yếu do nhập khẩu điện tử được đẩy mạnh và nhập khẩu xăng dầu tăng cao. Nếu kéo dài, điều này có thể hạn chế đà tăng trưởng và gây áp lực lên đồng VND.

Hình 6: Cơ cấu tổng vốn đầu tư trong 6T 2026



Hình 7: Tăng trưởng tổng vốn đầu tư trong 6T 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Sản xuất Công nghiệp

Hoạt động sản xuất tiếp tục duy trì tích cực, được hỗ trợ bởi đà tăng tốc trong tháng 6

Trong tháng 6, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành tăng mạnh 12,7% YoY (tháng 6/2025: +8,0% YoY) – tăng tốc so với mức tăng trưởng bình quân hàng tháng 9,3% trong 5T 2026 – đưa tổng tăng trưởng IIP trong 6T 2026 lên 10,8% YoY (6T 2025: +8,7% YoY). Kết quả tích cực này chủ yếu được dẫn dắt bởi phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo, tăng 11,4% YoY trong 6T 2026 (6T 2025: +10,5% YoY).

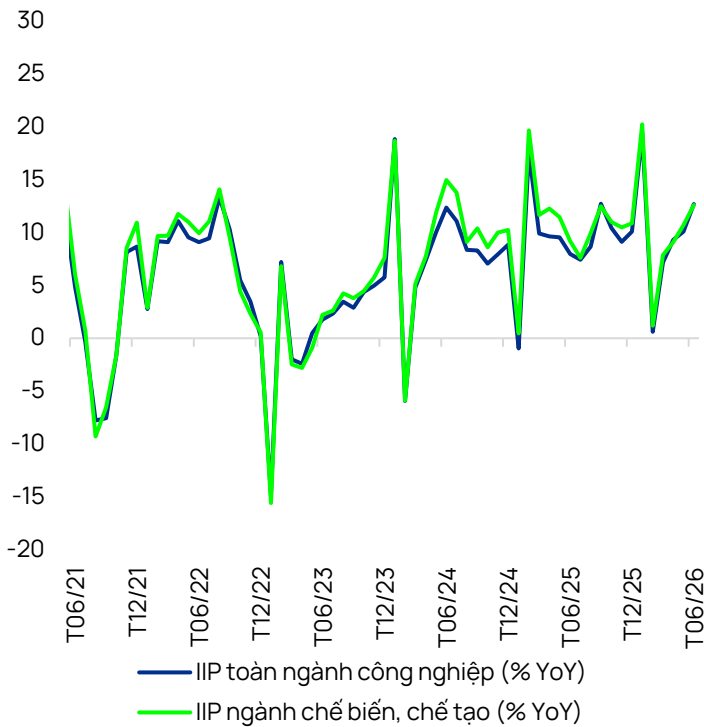
Trong 6T 2026, tất cả các phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo đều ghi nhận tăng trưởng, với hơn hai phần ba đạt mức tăng 2 chữ số. Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị (+23,7% YoY), kim loại cơ bản (+21,5% YoY), xe có động cơ (+17,7% YoY), đồ uống (+15,4% YoY), và phương tiện vận tải khác (+15,0% YoY) là các phân ngành dẫn đầu.

Hình 8: Tăng trưởng IIP theo ngành trong tháng 6/2026

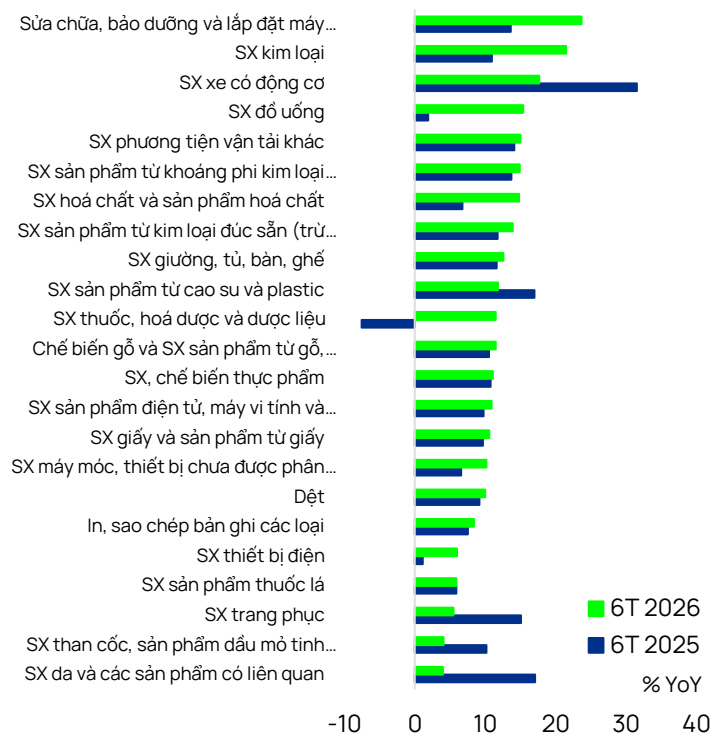
	MoM	YoY	6T 2026 so với 6T 2025
IIP toàn ngành	3,5%	12,7%	10,8%
Ngành khai khoáng	0,3%	8,8%	5,8%
Sản xuất, chế biến & chế tạo	3,6%	12,6%	11,4%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 9: Chỉ số IIP hàng tháng



Hình 10: IIP của các phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo



Nguồn: Cục Thống kê, Cục Hải quan, Vietcap

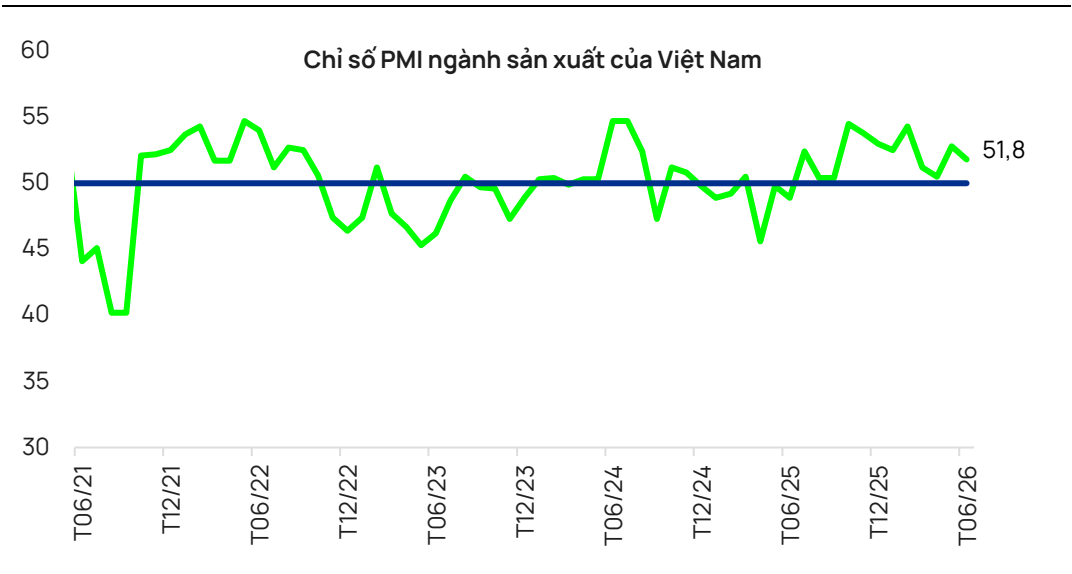
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Số lượng đơn hàng mới cải thiện nhờ nhu cầu tăng

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global giảm xuống 51,8 trong tháng 6 từ mức 52,8 trong tháng 5 nhưng vẫn nằm trên ngưỡng 50,0 điểm, được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng liên tục của số lượng đơn hàng mới và áp lực lạm phát hạ nhiệt.

Sản lượng ngành sản xuất ghi nhận tháng tăng thứ 14 liên tiếp, với tốc độ tăng là mạnh nhất kể từ tháng 2. Đà tăng trưởng này được ghi nhận nhờ số lượng đơn hàng mới tăng tháng thứ 2 liên tiếp, qua đó cho thấy nhu cầu của khách hàng cải thiện. Điều này cũng khuyến khích các nhà sản xuất đẩy mạnh hoạt động mua hàng trong tháng thứ 2 liên tiếp. Trong khi đó, áp lực lạm phát tiếp tục giảm và tâm lý kinh doanh đã cải thiện lên mức cao nhất trong 4 tháng vừa qua.

Hình 11: Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI)



Nguồn: S&P Global, Vietcap

Triển vọng: Kết quả khảo sát mới nhất cho thấy tăng trưởng ngành sản xuất đang được thúc đẩy bởi nhu cầu thực từ khách hàng, thay vì xu hướng tích trữ mang tính phòng ngừa rủi ro như đã ghi nhận trong tháng 5. Diễn biến này cho thấy quá trình phục hồi bền vững hơn của ngành sản xuất tại Việt Nam, đồng thời mang lại triển vọng tích cực hơn cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu trong những tháng tới. Ngoài ra, theo khảo sát xu hướng kinh doanh của Cục Thống kê, tâm lý doanh nghiệp cải thiện, với 83,4% doanh nghiệp kỳ vọng điều kiện kinh doanh sẽ cải thiện hoặc duy trì ổn định trong quý 3 (so với 79,7% trong quý 2), trong khi tỷ lệ doanh nghiệp dự báo điều kiện khó khăn hơn giảm xuống 16,6% (so với 20,3% trong quý 2).

Hình 12: PMI của Việt Nam so với các nước ASEAN khác

	T7- 25	T8- 25	T9- 25	T10- 25	T11- 25	T12- 25	T1- 26	T2- 26	T3- 26	T4- 26	T5- 26	T6- 26
Việt Nam	52,4	50,4	50,4	54,5	53,8	53,0	52,5	54,3	51,2	50,5	52,8	51,8
Philippines	50,9	50,8	49,9	50,1	47,4	50,2	52,9	54,6	51,3	48,3	50,8	50,9
Myanmar	49,5	50,4	53,1	51,5	51,4	50,6	50,9	51,5	51,5	50,9	49,3	47,4
Thái Lan	51,9	52,7	54,6	56,6	56,8	57,4	52,7	53,5	54,1	52,7	52,6	53,6
Indonesia	49,2	51,5	50,4	51,2	53,3	51,2	52,6	53,8	50,1	49,1	50,0	46,9
Malaysia	49,7	49,9	49,8	49,5	50,1	50,1	50,2	49,3	50,7	51,6	49,9	50,7
ASEAN	50,1	51,0	51,6	52,7	53,0	52,7	52,8	53,8	51,8	50,7	51,5	50,5

Nguồn: S&P Global, Vietcap tổng hợp

Tiêu dùng

Doanh thu bán lẻ duy trì tích cực trong tháng 6, nhưng chủ yếu được hỗ trợ bởi yếu tố giá

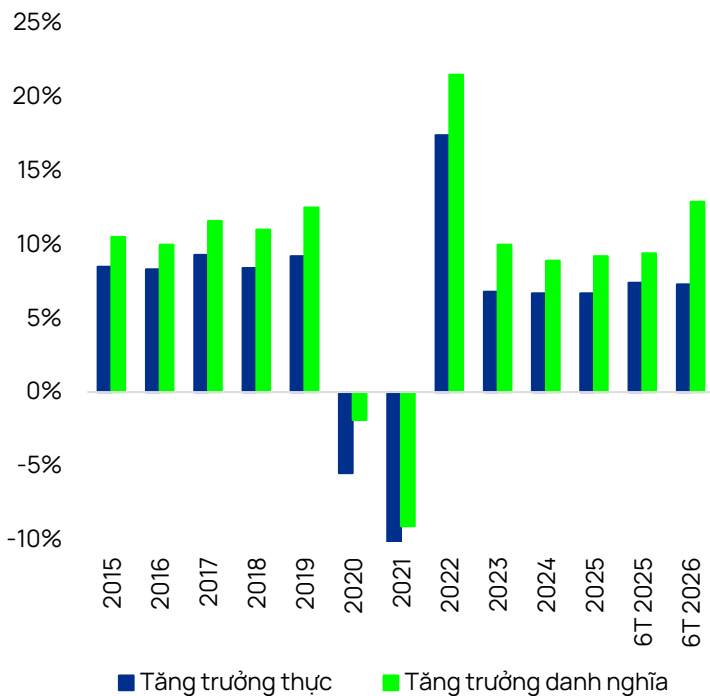
Trong tháng 6, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng mạnh 14,8% YoY (tháng 6/2025: +9,4% YoY), mức tăng trưởng hàng tháng cao nhất kể từ tháng 2/2023. Trong 6T 2026, tổng doanh thu bán lẻ tăng 12,9% YoY, tăng tốc từ mức 9,4% YoY trong 6T 2025. Tuy nhiên, nếu loại trừ yếu tố giá, doanh thu bán lẻ chỉ tăng 7,3% YoY, gần như không đổi so với mức 7,4% YoY của cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy mức tăng trưởng danh nghĩa cao hơn chủ yếu được thúc đẩy bởi yếu tố giá thay vì sự cải thiện trong nhu cầu tiêu dùng cơ bản.

Du lịch quốc tế tiếp tục là động lực chính hỗ trợ tiêu dùng trong nước trong 6T 2026. Doanh thu bán lẻ dịch vụ lưu trú & ăn uống và dịch vụ du lịch lữ hành tăng mạnh 15,6% YoY và 15,0% YoY. Lượng khách quốc tế đạt 1,7 triệu lượt trong tháng 6 (+14,7% YoY), đưa tổng lượng khách 6T 2026 lên 12,3 triệu lượt (+14,9% YoY), tương đương 49% mục tiêu cả năm.

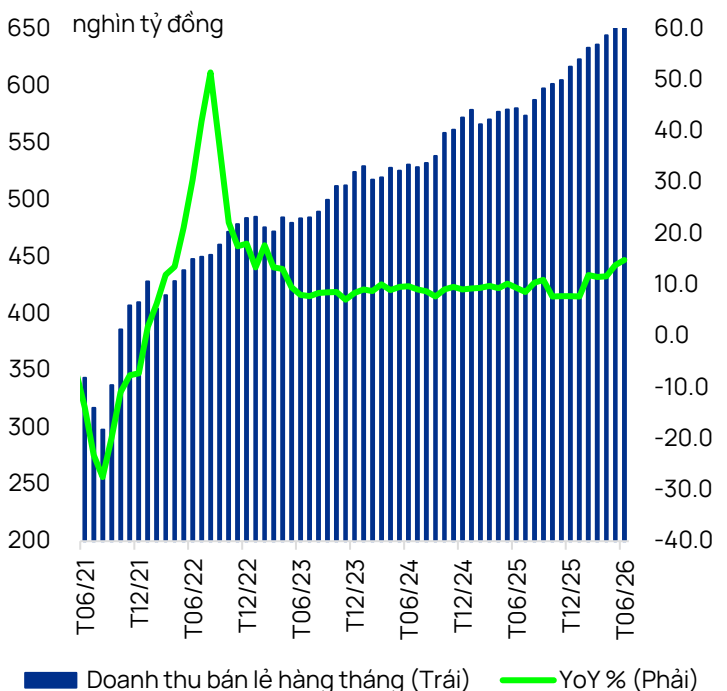
Trong khi đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa (chiếm 75,6% tổng doanh thu bán lẻ) tiếp tục tăng trưởng ổn định ở mức 12,5% YoY, với các nhóm hàng sau ghi nhận tăng trưởng mạnh: đá quý, kim loại quý & sản phẩm (+31,3% YoY), xăng dầu (+15,3% YoY), gỗ & vật liệu xây dựng (+13,2% YoY), và dệt may (+12,5% YoY).

Triển vọng: Bộ Công Thương đã chỉ đạo các doanh nghiệp điều chỉnh giá hàng hóa phù hợp với giá nhiên liệu giảm, điều này có thể làm giảm đóng góp của yếu tố giá vào tăng trưởng doanh thu bán lẻ. Tuy nhiên, tiêu dùng trong những tháng tới sẽ được hỗ trợ bởi (1) lượng khách quốc tế tiếp tục ở mức cao, (2) nhu cầu tiêu dùng mang tính mùa vụ trong mùa hè, (3) mức tăng 8,1% lương cơ sở khu vực công từ ngày 1/7 (với công chức tại Hà Nội được nhận thêm phụ cấp 0,5 lần -1,0 lần mức lương hiện tại, tùy thuộc vào kết quả KPI cá nhân), và (4) mức tăng 8% lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội.

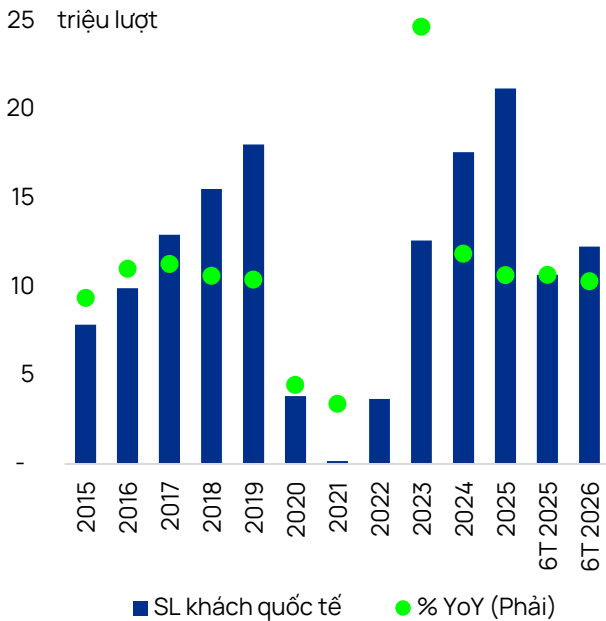
Hình 13: Doanh thu bán lẻ, YoY



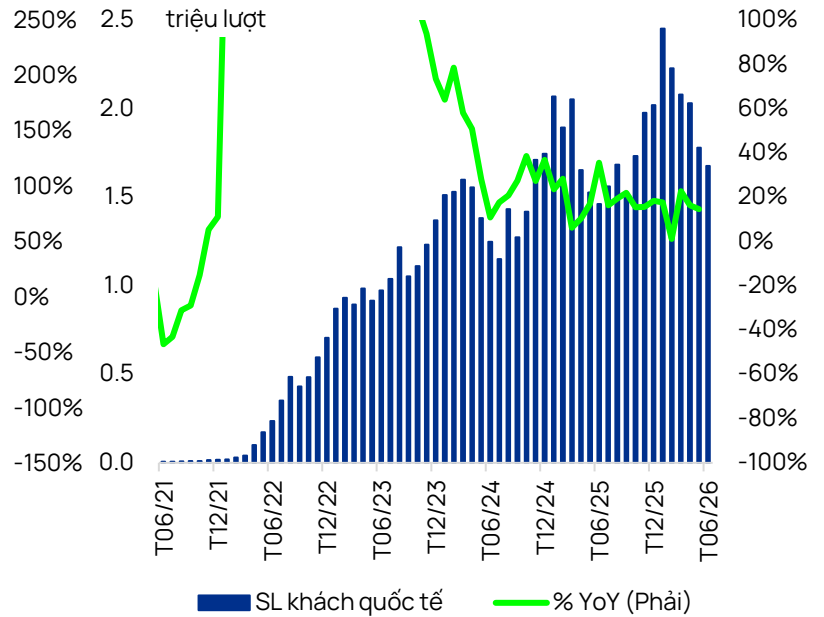
Hình 14: Doanh thu bán lẻ theo tháng



Hình 15: Lượng khách quốc tế



Hình 16: Lượng khách quốc tế theo tháng



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Ngân sách Nhà nước

Giải ngân đầu tư công tăng tốc trong tháng 6

Theo Bộ Tài chính, thu NSNN tăng 17,4% YoY, đạt 1.568,2 nghìn tỷ đồng trong 6T 2026, hoàn thành 62% kế hoạch cả năm. Trong đó, thu nội địa tăng 16,5% YoY đạt 1.352,7 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu và thu từ dầu thô lần lượt tăng mạnh 22,9% YoY và 26,1% YoY, đạt 183,6 nghìn tỷ đồng và 31,1 nghìn tỷ đồng.

Về phía chi ngân sách, chi NSNN tăng nhẹ 0,1% YoY đạt 1.149,1 nghìn tỷ đồng trong 6T 2026, hoàn thành 36,4% kế hoạch cả năm. Trong đó, chi thường xuyên giảm 5,9% YoY đạt 730,0 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 40,4% kế hoạch cả năm. Đáng chú ý, giải ngân đầu tư công tăng đáng kể, với giá trị giải ngân trong tháng 6 đạt 150,9 nghìn tỷ đồng – tương đương 73% tổng giải ngân lũy kế trong 5T 2026. Điều này đưa tổng giải ngân đầu tư công 6T 2026 lên 357,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,9% YoY và hoàn thành 31,9% kế hoạch năm (so với mức bình quân 30,1% trong nửa đầu năm giai đoạn 2018–2025).

Theo đó, NSNN ghi nhận thặng dư 419,1 nghìn tỷ đồng trong 6T 2026, cao hơn đáng kể so với mức thặng dư 230,2 nghìn tỷ đồng ghi nhận trong 6T 2025.

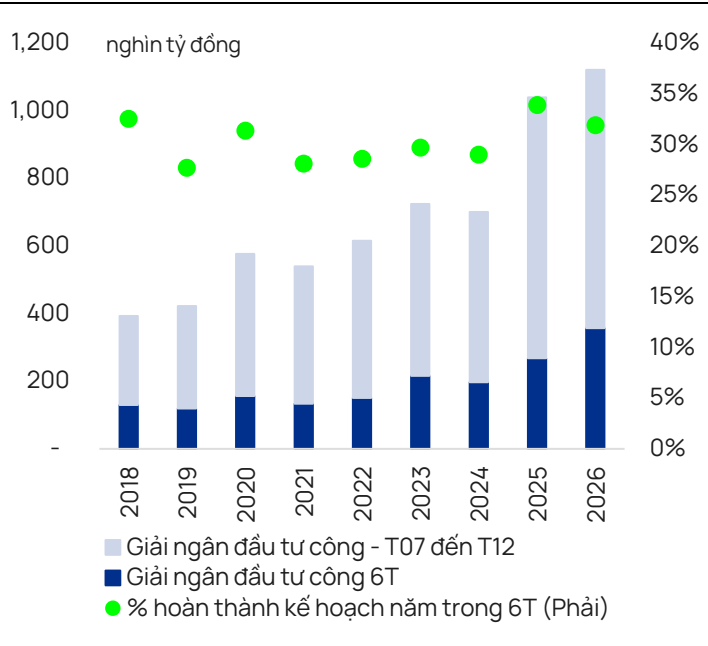
Triển vọng: Chúng tôi cho rằng Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy nhanh đầu tư công trong nửa cuối năm 2026 để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng. Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6, Thủ tướng đã chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Ngoài ra, Chính phủ sẽ thí điểm khung đánh giá dựa trên KPI đối với giải ngân đầu tư công trong quý 3 nhằm tăng cường giám sát tiến độ, đẩy nhanh giải ngân và nâng cao trách nhiệm giải trình giữa các bộ, ngành và địa phương.

Hình 17: Cơ cấu Ngân sách Nhà nước

Đơn vị: nghìn tỷ đồng	6T 2026	% kế hoạch năm	YoY %
Thu ngân sách	1.568,2	62,0%	17,4%
Thu nội địa	1.352,7	61,5%	16,5%
Thu từ dầu thô	31,1	72,4%	26,1%
Thu từ xuất nhập khẩu	183,6	66,0%	22,9%
Khác	0,8		
Chi ngân sách	1.149,1	36,4%	0,1%
Chi thường xuyên	730,0	40,4%	-5,9%
Chi đầu tư phát triển	357,1	31,9%	13,9%
Chi trả nợ lãi	60,2	50,0%	8,1%
Khác	1,8		
Cán cân ngân sách	419,1		

Nguồn: Bộ Tài chính, Cục Thống kê, Vietcap tổng hợp

Hình 18: Giải ngân đầu tư công theo năm



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

FDI

Vốn FDI đăng ký trong tháng tăng mạnh lên mức cao nhất trong 8 năm

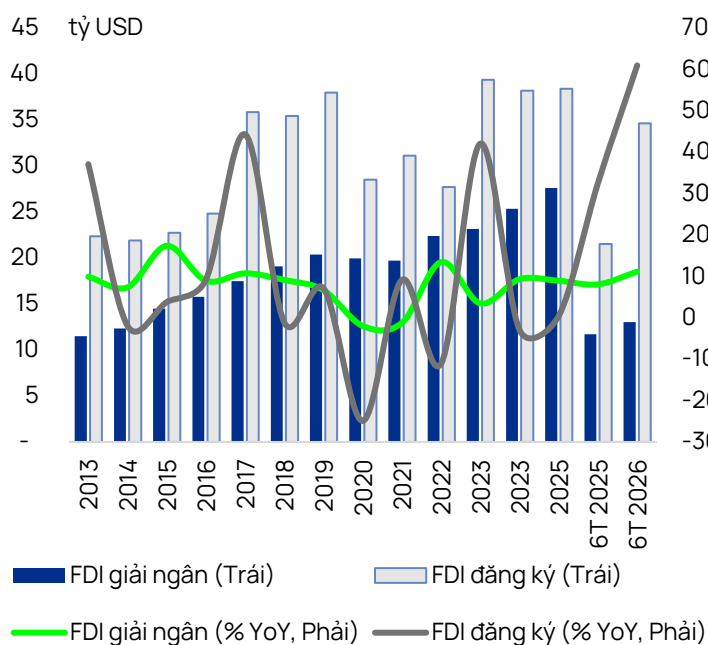
Trong tháng 6, vốn FDI đăng ký tăng 3,1 lần YoY đạt 9,8 tỷ USD, đánh dấu mức cao nhất theo tháng trong tám năm. Trong 6T 2026, tổng vốn FDI đăng ký tăng mạnh 61,0% đạt 34,7 tỷ USD. Trong khi đó, vốn FDI giải ngân duy trì ở mức cao, tăng 16,3% YoY đạt 3,3 tỷ USD trong tháng 6 – mức cao nhất kể từ đầu năm – đưa tổng giải ngân FDI lên 13,0 tỷ USD (+11,2% YoY) trong 6T 2026.

Trong tổng vốn FDI đăng ký trong nửa đầu năm 2026, ngành sản xuất, chế biến & chế tạo (18,5 tỷ USD) tiếp tục dẫn đầu, chiếm 53,3% tổng vốn FDI cam kết. Ngành bất động sản xếp thứ hai với 5,5 tỷ USD (chiếm 15,9%).

Về đối tác đầu tư theo quốc gia/vùng lãnh thổ, Singapore dẫn đầu (10,1 tỷ USD; chiếm 29,1%). Hàn Quốc (8,0 tỷ USD; chiếm 23,1%) và Malaysia (3,0 tỷ USD; 8,6%) xếp thứ hai và thứ ba trong số các nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam trong 6T 2026.

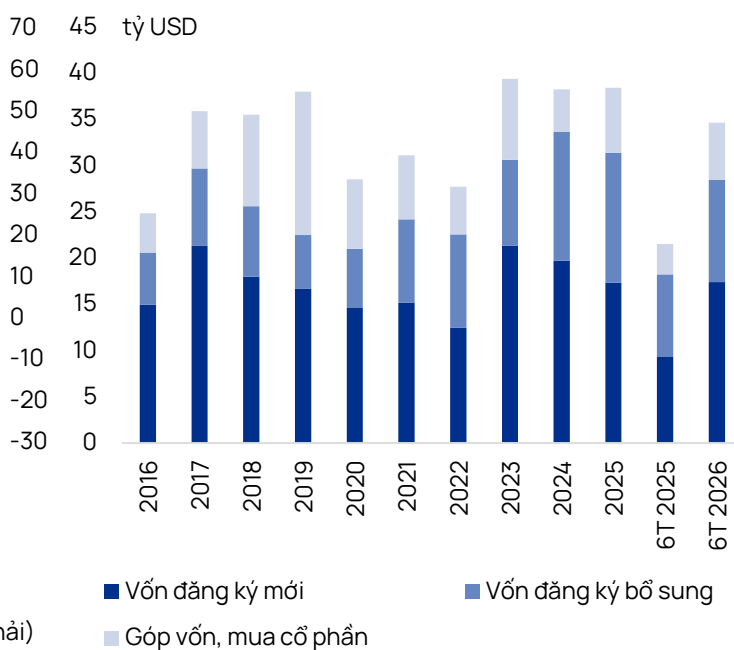
Triển vọng: Ngày 8/6, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Nghị quyết đánh dấu sự chuyển hướng chiến lược từ ưu tiên thu hút FDI sang nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Nghị quyết cũng nhằm cải thiện chất lượng dòng vốn FDI bằng cách thúc đẩy chuyển giao công nghệ và tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, qua đó hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững trong trung và dài hạn. Cùng với kết quả FDI mạnh mẽ trong nửa đầu năm 2026, chúng tôi kỳ vọng giải ngân FDI sẽ duy trì vững chắc, tiếp tục hỗ trợ cho đà tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Hình 19: Tăng trưởng FDI giải ngân và đăng ký



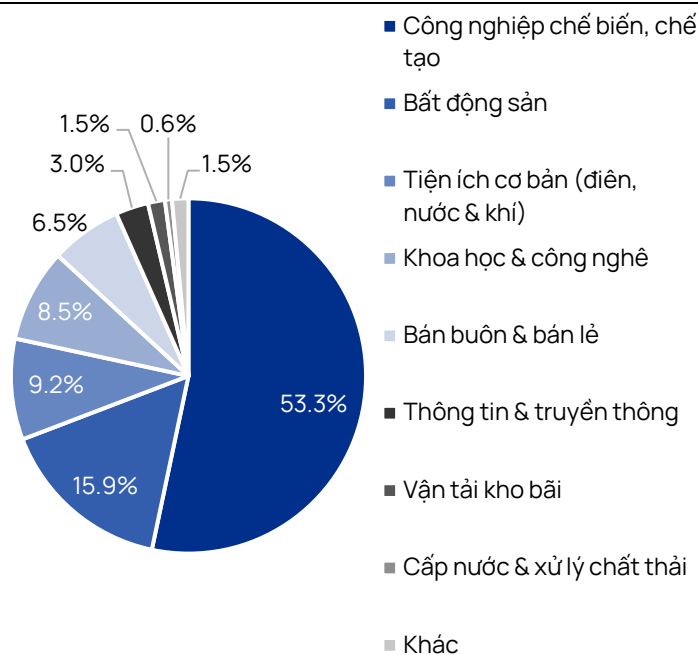
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 20: FDI đăng ký theo loại hình



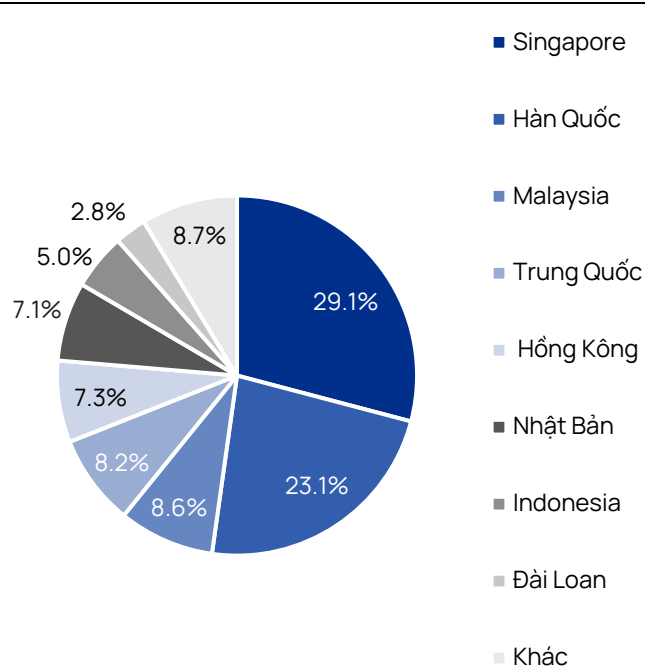
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 21: FDI đăng ký theo ngành trong 6T 2026



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 22: FDI đăng ký theo quốc gia/vùng lãnh thổ trong 6T 2026



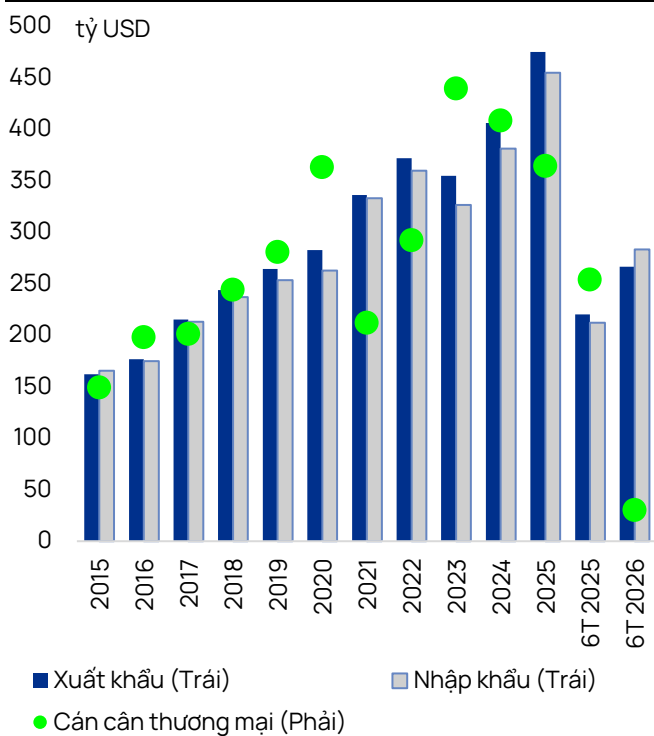
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hoạt động thương mại

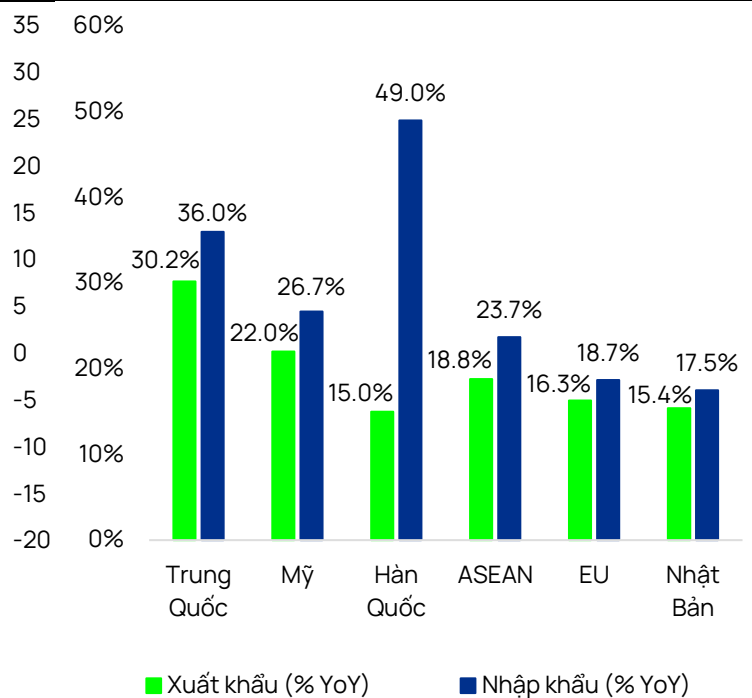
Thâm hụt thương mại tăng lên 16,7 tỷ USD

Theo dữ liệu từ Cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu trong tháng 6 tiếp tục đạt mức cao kỷ lục, với kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh 28,1% YoY đạt 50,8 tỷ USD trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu, 45,2% YoY đạt 53,4 tỷ USD, dẫn đến thâm hụt thương mại 2,6 tỷ USD. Trong 6T 2026, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt đạt 266,5 tỷ USD (+21,0% YoY) và 283,2 tỷ USD (+33,4% YoY), dẫn đến thâm hụt thương mại lũy kế 16,7 tỷ USD – mức thâm hụt nửa đầu năm lớn nhất kể từ khi chúng tôi bắt đầu ghi nhận dữ liệu vào năm 2011. Thâm hụt thương mại tăng chủ yếu do mức tăng mạnh trong nhập khẩu máy tính & linh kiện điện tử (thâm hụt: 38,9 tỷ USD trong 6T 2026, +1,9 lần YoY), cùng với nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu tăng cao (thâm hụt: 5,2 tỷ USD trong 6T 2026, tăng 1,8 lần YoY).

Hình 23: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại



Hình 24: Các thị trường thương mại chính trong 6T 2026



Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

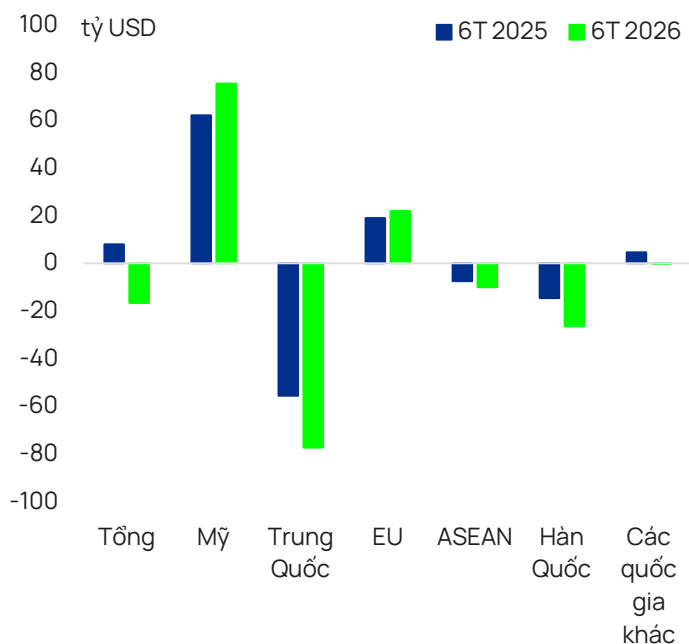
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Trong tổng kim ngạch xuất khẩu 6T 2026, ba nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất ghi nhận tăng trưởng mạnh: máy tính & linh kiện điện tử (71,2 tỷ USD; +49,1% YoY, chiếm 26,7% tổng kim ngạch xuất khẩu), máy móc thiết bị (33,2 tỷ USD; +23,6% YoY, chiếm 12,5%), và điện thoại & linh kiện (31,7 tỷ USD; +17,8% YoY, chiếm 11,9%). Về phía nhập khẩu, ba nhóm hàng lớn nhất gồm máy tính & linh kiện điện tử (110,1 tỷ USD; +62,0% YoY), máy móc thiết bị (34,4 tỷ USD; +22,9% YoY), và vải (7,7 tỷ USD; +1,7% YoY).

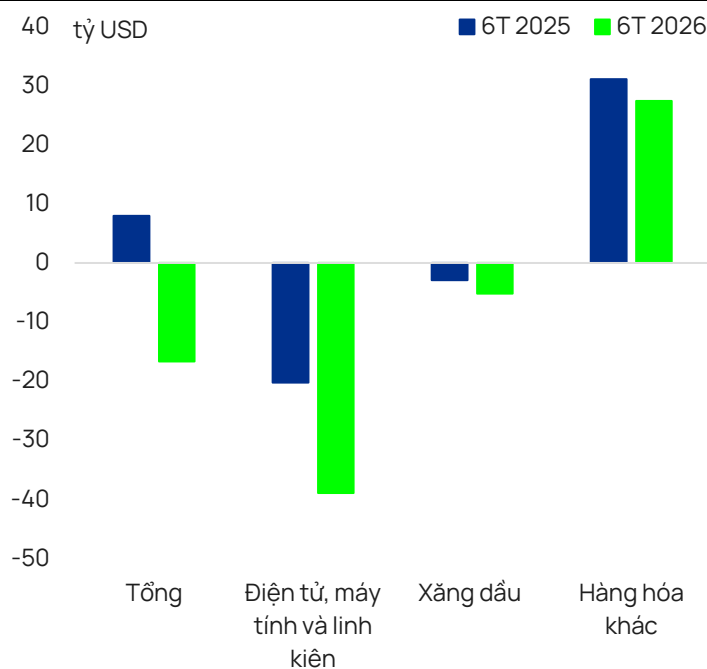
Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với xuất khẩu sang Mỹ tiếp tục tăng mạnh khoảng 23% YoY trong tháng 6 (sau khi tăng +32,6% YoY trong tháng 1, +9,7% YoY trong tháng 2, +28,4% YoY trong tháng 3, +25,6% YoY trong tháng 4, và +12,9% YoY trong tháng 5), đưa tổng kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ trong 6T 2026 lên 86,5 tỷ USD (+22,0% YoY). Trung Quốc xếp thứ hai (37,9 tỷ USD; +30,2% YoY) trong khi EU xếp thứ ba (31,8 tỷ USD; +16,3% YoY). Trong khi đó, nhập khẩu từ Trung Quốc – thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam – tăng mạnh 36,0% YoY lên 115,2 tỷ USD, trong khi nhập khẩu từ Hàn Quốc – thị trường nhập khẩu lớn thứ hai của Việt Nam – cũng tăng mạnh 49,0% YoY lên 42,3 tỷ USD.

Triển vọng: Theo báo cáo PMI mới nhất, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới tăng trong tháng thứ hai liên tiếp, điều này có thể hỗ trợ hoạt động xuất khẩu trong những tháng tới. Mặc dù chúng tôi kỳ vọng cán cân thương mại sẽ cải thiện về cuối năm, giá chip và bộ nhớ nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trong nửa cuối năm 2026, có thể duy trì nhập khẩu điện tử ở mức cao và trì hoãn thời điểm quay lại thặng dư thương mại.

Hình 25: Cán cân thương mại theo thị trường chính



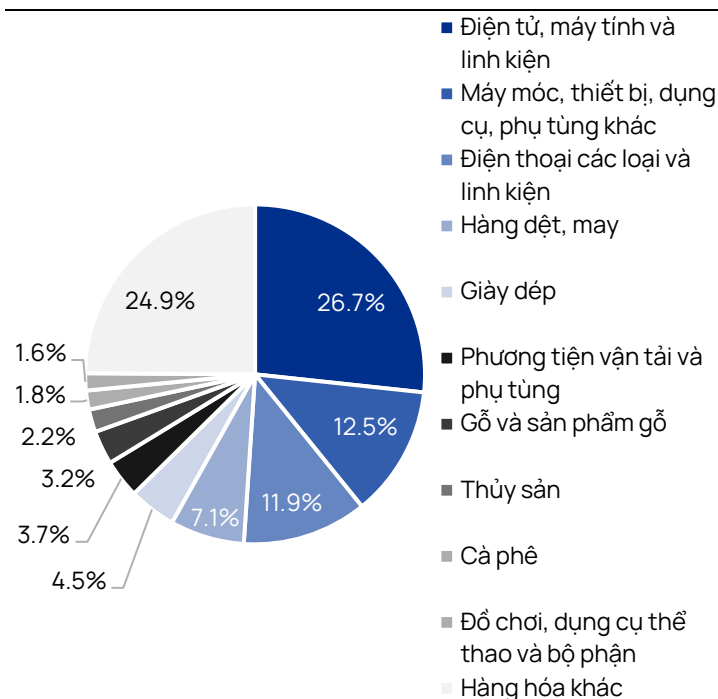
Hình 26: Cán cân thương mại theo nhóm hàng



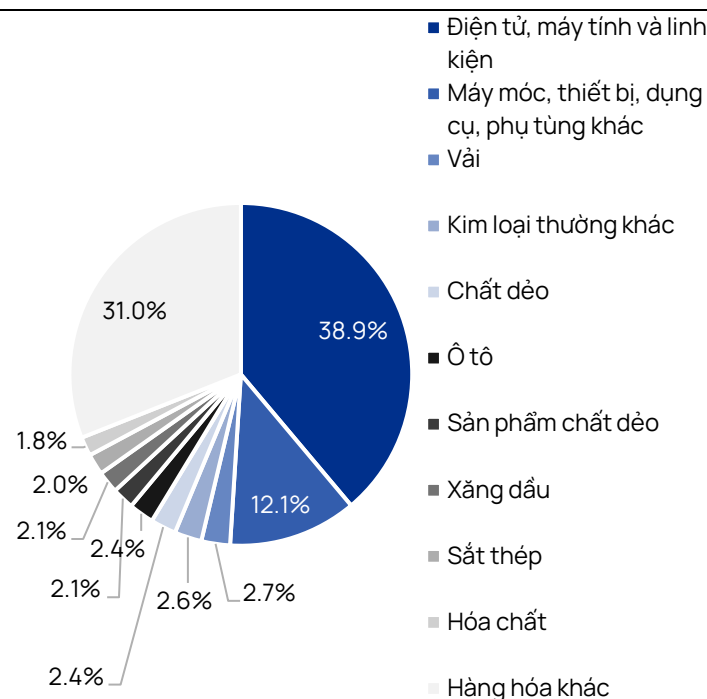
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Hình 27: Các mặt hàng xuất khẩu chính trong 6T 2026



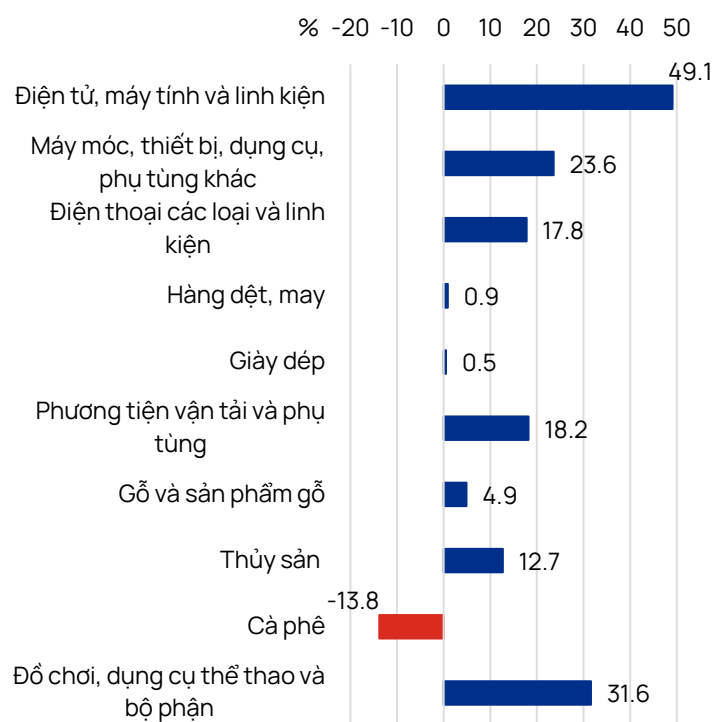
Hình 28: Các mặt hàng nhập khẩu chính trong 6T 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

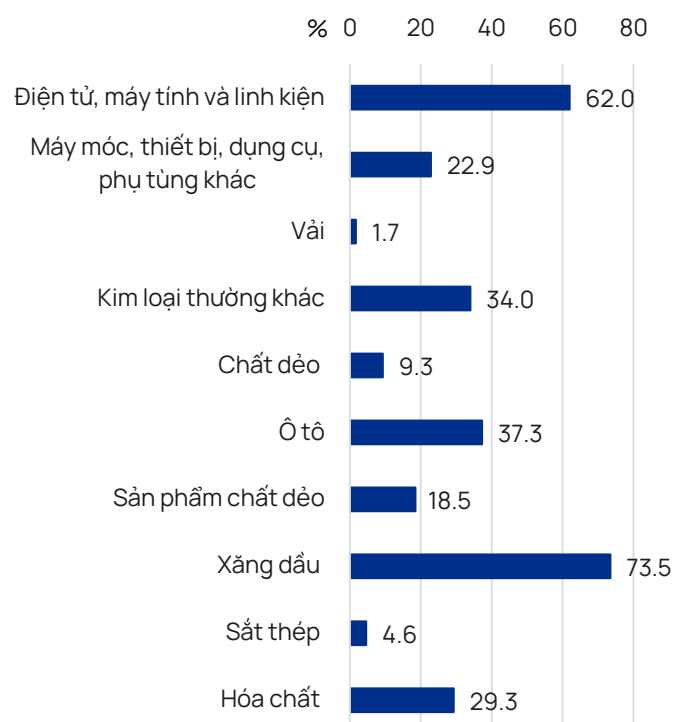
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 29: Các mặt hàng xuất khẩu chính trong 6T 2026 (YoY %)



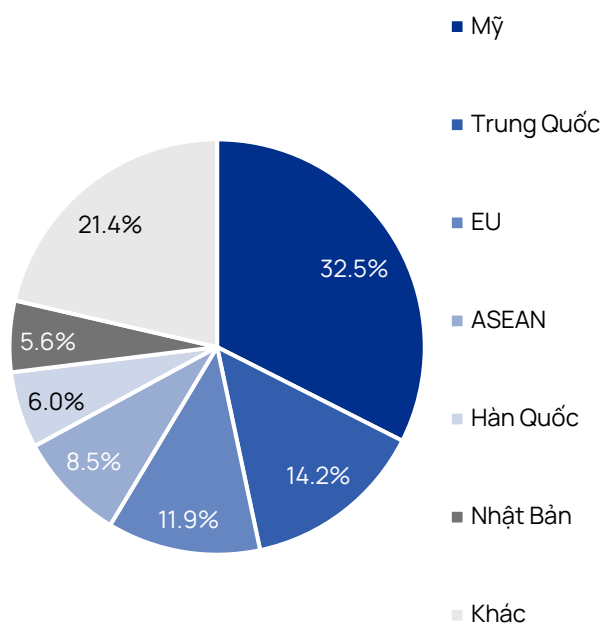
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 30: Các mặt hàng nhập khẩu chính trong 6T 2026 (YoY %)



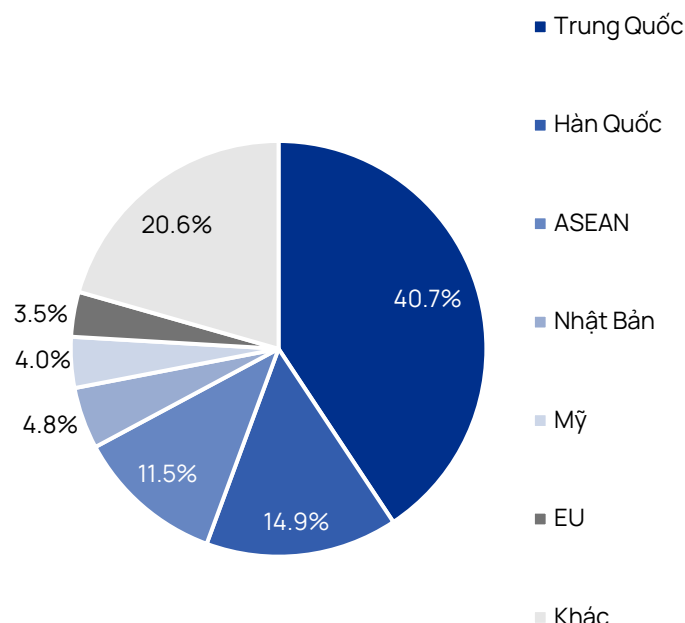
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 31: Các thị trường xuất khẩu chính trong 6T 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 32: Các thị trường nhập khẩu chính trong 6T 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Lạm phát

CPI tháng 6 hạ nhiệt nhờ giá xăng dầu trong nước giảm

Trong tháng 6, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm 0,39% so với tháng 5 và tăng 4,69% so với cùng kỳ, đưa CPI bình quân lên 4,38% trong 6T 026. Các yếu tố chính tác động đến CPI trong tháng 6 bao gồm:

- CPI nhóm giao thông giảm 4,85%, giúp giảm CPI chung khoảng 0,48 điểm %, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước giảm 10% (giúp giảm CPI chung khoảng 0,4 điểm %).
- Ngược lại, CPI nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,46%, làm tăng CPI chung 0,1 điểm %, được hỗ trợ bởi mức tăng 2% giá điện do nhu cầu cao hơn trong thời tiết nắng nóng.

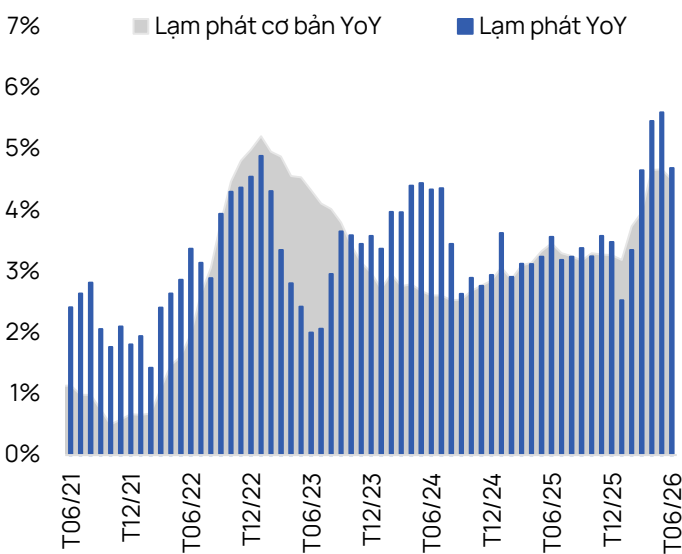
Triển vọng: Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu chung trong mùa hè, đặc biệt là nhu cầu điện trong thời tiết nắng nóng (có thể trầm trọng hơn do El Nino) và việc tăng lương cơ sở khu vực công có thể gây một số áp lực lên lạm phát trong vài tháng tới. Ngược lại, giá xăng dầu trong nước có thể tiếp tục hạ nhiệt sau đợt giảm gần đây của giá dầu thế giới, điều này có thể giúp kiềm chế lạm phát. Ngoài ra, giá xăng dầu trong nước bình quân hiện tại trong tháng 7 thấp hơn 6,3% so với mức bình quân trong tháng 6, điều này có thể giúp giảm CPI chung khoảng 0,2 điểm %.

Hình 33: Lạm phát trong tháng 6/2026

	CPI MoM (T6/2026 so với T5/2026)	CPI YoY (T6/2026 so với T6/2025)	CPI YTD (T6/2026 so với T12/2025)	CPI bình quân (6T 2026 so với 6T 2025)
Lạm phát	-0,39%	4,69%	3,21%	4,38%
Lạm phát cơ bản	0,14%	4,50%	N/A	4,12%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 34: CPI



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 35: CPI theo danh mục

Danh mục	Tỷ trọng	BQ 6T/25 YoY	BQ 6T/26 YoY
Tổng CPI	100%	3,27%	4,38%
Lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống	35,82%	3,69%	4,79%
Đồ uống và thuốc lá	1,75%	2,17%	3,52%
Quần áo, giày dép và mũ	3,52%	1,18%	1,96%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	22,70%	5,73%	6,72%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	5,14%	1,60%	2,63%
Thuốc và dịch vụ y tế	4,66%	13,87%	1,03%
Giao thông	9,98%	-3,63%	5,23%
Viễn thông	3,74%	-0,45%	-0,03%
Giáo dục	5,97%	1,16%	3,30%
Văn hóa, thể thao và giải trí	3,14%	2,07%	2,40%
Hàng hóa và dịch vụ khác	3,58%	6,60%	3,98%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

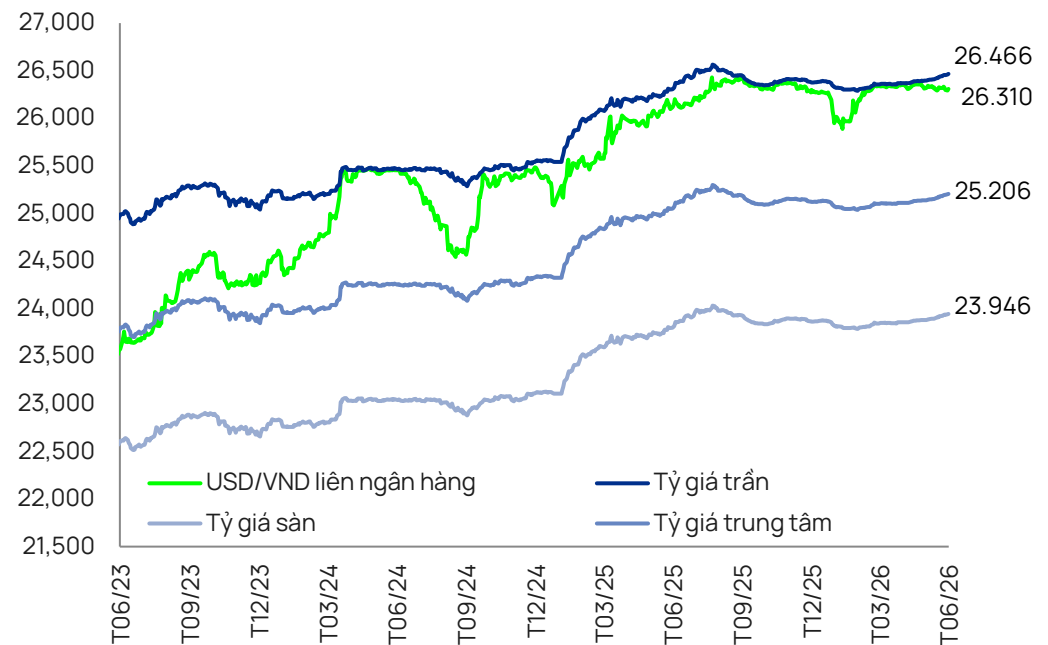
Tỷ giá

Tỷ giá gần như đi ngang

Tỷ giá USD/VND duy trì ổn định trong suốt tháng 6, giao dịch trong khoảng 26.290-26.343. Tỷ giá USD/VND duy trì ổn định trong tháng 6 và đóng cửa tháng ở mức 26.310 trên thị trường liên ngân hàng (tỷ giá USD/VND tăng 0,05% so với đầu năm).

Triển vọng: Tại phiên họp gần nhất vào ngày 17/6, Fed phát tín hiệu có thể nối lại việc tăng lãi suất vào cuối năm nay. Cùng với tình trạng thâm hụt thương mại kéo dài, điều này có thể gây áp lực đối với đồng VND trong nửa cuối năm 2026. Ngược lại, dòng vốn FDI ổn định – với giải ngân FDI trong 6T 2026 tăng 11,2% YoY – có thể một phần giúp giảm bớt áp lực lên tỷ giá.

Hình 36: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Các chỉ báo vĩ mô

CHỈ BÁO VĨ MÔ	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	Đơn vị	Nguồn dữ liệu
Tăng trưởng GDP (thực)	7,4	2,9	2,6	8,5	5,0	7,0	8,0	8,5	8,8	% YoY	Cục Thống kê
GDP danh nghĩa	334	347	366	409	430	476	514	572	622	Tỷ USD	NHTG
GDP đầu người	3.491	3.586	3.756	4.179	4.347	4.701	5.026	5.540	5.973	USD	NHTG
Tỷ lệ thất nghiệp	2,0	2,5	3,0	2,1	2,2	2,1	2,0	2,1	2,1	%	Cục Thống kê
Giải ngân FDI	20,4	20,0	19,7	22,4	23,2	25,4	27,6	30,1	32,8	Tỷ USD	Cục ĐTNN
Giải ngân FDI (% GDP)	6,2	5,8	5,4	5,5	5,4	5,3	5,4	5,3	5,3	% GDP	Cục ĐTNN
Xuất khẩu (% GDP)	80,0	82,3	92,7	92,1	82,2	85,3	92,4	97,1	102,4	% GDP	Cục HQ, Cục Thống kê
Tăng trưởng xuất khẩu	8,4	6,9	18,9	10,6	-4,6	14,4	17,0	17,0	14,7	% YoY	Cục HQ, Cục Thống kê
Tăng trưởng nhập khẩu	7,0	3,7	26,7	8,0	-9,2	16,7	19,4	22,0	13,0	% YoY	Cục HQ, Cục Thống kê
Cán cân thương mại hàng hóa	10,9	19,9	3,3	12,1	28,4	24,9	20,1	0,4	10,0	Tỷ USD	Cục HQ, Cục Thống kê
Dự trữ ngoại hối	78,0	94,4	107	86,0	93,0	81,2	80,0	85,0	92,0	Tỷ USD	NHNN, NHTG
Dự trữ ngoại hối (% GDP)	23,7	27,6	30,2	21,0	21,6	17,1	15,6	14,9	14,8	% GDP	NHNN
Lạm phát (bình quân)	2,8	3,2	1,8	3,2	3,3	3,6	3,3	4,5	4,0	% YoY	Cục Thống kê
VND tăng (trượt) giá so với USD	0,0	0,3	1,2	-3,4	-2,8	-4,8	-3,1	-2,0	-2,0	%	Bloomberg
Lãi suất trần huy động (< 6 tháng)	5,0	4,0	4,0	6,0	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	%	NHNN
Tăng trưởng tín dụng	13,6	12,2	13,6	14,2	13,5	15,1	19,0	15,3	16,5	% YoY	NHNN
Thâm hụt ngân sách (không tính hoàn trả nợ gốc)	-2,1	-2,7	-2,5	-4,3	-4,0	-3,1	-3,6	-4,2	-5,0	% GDP	Bộ Tài chính
Nợ công	43,1	43,7	43,1	38,0	36,6	36-37	35-36	36-37	41-42	% GDP	Bộ Tài chính, NHTG

Ghi chú: Vietcap là nguồn cho tất cả các dự báo – ngoại trừ thâm hụt ngân sách và nợ công được trích nguồn từ Bộ Tài chính.

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Chúng tôi, Đào Minh Quang & Hoàng Thủy Lương, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thủy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.